

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2022/HNGĐ - PT
Ngày 06- 01 - 2022
*V/v tranh chấp ly hôn và tài sản
chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Đại - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2021/TLPT-HNGĐ ngày 17
tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 18/2021/HNGĐ-ST ngày 29
tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc bị
kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2021/QĐ-PT ngày
15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Quang K, sinh năm 1979 (có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ cư trú và làm việc: Thôn Đ, xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Chị Phùng Thị H, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố H, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người kháng cáo: Anh Lương Quang K - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 09 tháng 3 năm 2021 và những lời khai tiếp
theo nguyên đơn anh Lương Quang K trình bày: Anh kết hôn với chị Phùng Thị H
ngày 19/3/2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố V, tỉnh
Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng về ở tại khu tập thể trường kỹ thuật Tăng thiết
giáp. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Sau khi
cưới chị H nhiều lần bị sảy thai, vợ chồng đã đi chạy chữa nhiều nơi nhưng không có
kết quả. Đến năm 2018 anh chị quyết định thuê người mang thai hộ nhưng không có
kết quả. Do việc vợ chồng chữa trị nhiều lần, nhiều nơi nhưng vẫn không có con nên

vợ chồng sinh ra chán nản, nhiều lần cãi cọ nhau, có lần anh đánh chị H. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không quan tâm đến nhau. Tháng 8/2018 anh sống ly thân tại huyện T cho đến nay. Nay anh và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Bị đơn chị Phùng Thị H trình bày: Chị xác nhận toàn bộ lời trình bày của anh K về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng đi khám chữa bệnh, thời gian vợ chồng sống ly thân như anh K trình bày là đúng. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc vợ chồng không có con chung nên sinh ra chán nản, ngoài ra anh K còn có quan hệ với người phụ nữ khác và có một con riêng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn anh K xin ly hôn chị cũng đồng ý.

Về con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Anh K, chị H xác nhận tài sản chung gồm có: quyền sử dụng diện tích 100,8m² đất tại Tổ dân phố H, phường K, thành phố V, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) đứng tên anh Lương Quang K và chị Phùng Thị H có trị giá 1.108.800.000đ; 01 ngôi nhà 3 tầng (xây năm 2011) trị giá 280.000.000đ; 01 bộ bàn ghế sa lông + kệ tivi (gỗ) trị giá 20.000.000đ, tổng trị giá tài sản là 1.408.800.000đ. Sau khi định giá anh K cho rằng việc định giá tài sản trên là thấp, sau đó anh K có đơn không đề nghị định giá lại tài sản.

Về nguồn gốc tài sản, chị H anh K đều xác nhận: Năm 2008 chị được bố mẹ tặng cho 01 diện tích đất 100 m² ở Khu S phường H, thành phố V, được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên Phùng Thị H. Đến năm 2011 chị đã bán diện tích đất này được 1.225.000.000đ. Đến khoảng tháng 4/2011 chị mua 100,8 m² đất của bà Nguyễn Thị L ở tổ dân phố H, phường K với giá 900.000.000đ. Khi làm giấy chứng nhận QSDĐ chị để tên anh Lương Quang K và Phùng Thị H. Cùng năm 2011 vợ chồng xây dựng nhà, anh đưa cho chị 320.000.000đ.

Về công nợ: Chị H, anh K đều xác nhận: Anh chị vay Ngân hàng N số tiền 200.000.000đ dùng để làm nhà. Từ năm 2015 anh không đưa tiền cho chị trả lãi đối với khoản tiền trên, chị phải trả lãi từ năm 2015, đến tháng 3/2021 chị trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Số tiền gốc chị đã thanh toán trả cho Ngân hàng N là 200.000.000đ + số tiền lãi (từ ngày 01/1/2015 – 12/3/2021) là 136.279.452đ, tổng cộng chị trả tiền gốc và tiền lãi là 336.279.452đ.

Ngoài ra chị H trình bày do không có con chung nên vợ chồng đi chữa bệnh đặt phôi ở thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2017 thì chữa bệnh tại Hà Nội phải chi phí như sau:

- Lần 1: Năm 2015 anh K đưa cho chị 15.000.000đ, ngoài ra chị phải vay tiền chi phí thêm hết khoảng 120.000.000đ

- Lần 2: Năm 2016 anh K đưa cho chị 50.000.000đ, chị phải vay tiền để chi phí thêm số tiền là 70.000.000đ

- Lần 3: Năm 2017 anh K không đưa tiền cho chị, chị phải vay tiền để lo các chi phí chữa bệnh tại Hà Nội, lấy phôi nhờ người mang thai hộ hết khoảng 100.000.000đ

- Lần 4: Năm 2018 anh K cũng không đưa tiền cho chị, chị phải lo các chi phí nhờ người mang thai hộ chữa bệnh hết khoảng 40.000.000đ

Do không có tiền để đi chữa bệnh nên chị phải vay của em gái chị và vay của anh em bạn bè đồng nghiệp. Đối với những người chị đã vay tiền để đi chữa bệnh chị đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng. Toàn bộ các hóa đơn về việc khám chữa bệnh chị đã cung cấp cho Tòa án với tổng số tiền là 253.491.411đ. Chị đề nghị Tòa án xem xét đối với khoản chi phí này khi vợ chồng ly hôn. Anh K xác nhận các tài liệu, chứng cứ về việc đi khám chữa bệnh ở thành phố Hồ Chí Minh chị H cung cấp là đúng. Tại phiên hòa giải anh đồng ý mỗi người đều phải chịu các chi phí chữa bệnh, tại phiên tòa anh K không đồng ý chịu chi phí trên.

Ly hôn anh K nhất trí để chị H sử dụng toàn bộ nhà đất, chị H phải thanh toán cho anh số tiền 1.000.000.000đ. Chị H yêu cầu được sở hữu, sử dụng nhà đất chị thanh toán chênh lệch tài sản cho anh là 500.000.000đ. Về khoản nợ của Ngân hàng anh K và chị H thống nhất mỗi người chịu ½ khoản nợ.

Về tài sản riêng, công sức: Anh K, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 18/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Áp dụng các Điều 33, 38, 56, 57, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, Xử:

1. Cho anh Lương Quang K được ly hôn chị Phùng Thị H
2. Về tài sản chung: Giao cho chị Phùng Thị H quản lý, sử dụng các tài sản gồm: 01 nhà 3 tầng, 01 bộ bàn ghế sa lông + kệ để ti vi (gỗ), quyền sử dụng 100,8m² đất tại địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thành phố V, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Lương Quang K và chị Phùng Thị H có tổng trị giá là 1.408.800.000đ (Một tỷ bốn trăm linh tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Chị H thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Lương Quang K số tiền 468.140.000đ (Bốn trăm sáu mươi tám triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng). Anh K có nghĩa vụ thanh toán cho chị H số tiền 168.140.000đ, trừ khoản tiền trên, chị H có trách nhiệm thanh toán cho anh K số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2021 anh Lương Quang K có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xem xét lại về phần tài sản chung. Cụ thể anh K cho rằng cấp sơ thẩm định giá tài sản thấp nên yêu cầu chị H khi được phân chia tài sản chung thì phải thanh toán chênh lệch là 1.000.000.000đ; anh K không đồng ý thanh toán khoản tiền chị H đã đi chữa bệnh và yêu cầu chị H phải trả cho anh 05 chậu cây cảnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo là anh K thay đổi nội dung kháng cáo chỉ đề nghị chị H thanh toán chênh lệch tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H và anh K thỏa thuận chị H thanh toán chênh lệch tài sản cho anh K là 568.140.000đ, đối trừ số tiền anh K phải thanh toán cho chị H nghĩa vụ trả nợ ngân hàng mà chị H đã trả là 168.140.000đ. Chị H còn có trách nhiệm thanh toán cho anh K là 400.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số: 18/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, theo hướng các đương sự thỏa thuận là chị H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho anh K là 568.140.000đ, đối trừ số tiền anh K phải thanh toán cho chị H nghĩa vụ trả nợ mà chị H đã trả là 168.140.000đ. Chị H có trách nhiệm thanh toán cho anh K là 400.000.000đ. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận về nội dung kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm và không thỏa thuận về án phí nên các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của anh K trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về yêu cầu kháng cáo của anh Lương Quang K kháng cáo về phần chia tài sản chung của bản án sơ thẩm 18/2021/HNGĐ-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với lý do: giá trị định giá tài sản thấp; không đồng ý chia số tiền chị H đã chi phí cho việc chữa bệnh, chưa xem xét đến 05 cây cảnh. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc chị H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh là 1.000.000.000đ, buộc chị H phải trả lại cho anh 05 chậu cây cảnh, anh không phải chịu số tiền mà chị H đã chi phí chữa bệnh. Tại phiên tòa phúc thẩm anh K thay đổi nội dung kháng cáo chỉ đề nghị chị H thanh toán chênh lệch tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H và anh K thỏa thuận chị H thanh toán chênh lệch tài sản cho anh K là 568.140.000đ, đối trừ số tiền anh K phải thanh toán cho chị H nghĩa vụ trả nợ ngân hàng mà chị H đã trả là 168.140.000đ. Chị H còn có trách nhiệm thanh toán cho anh K là 400.000.000đ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

- Về tài sản chung đã được anh K, chị H xác nhận gồm có: 01 nhà 03 tầng (xây năm 2011), 01 bộ bàn ghế sa lông + kệ để ti vi, Quyền sử dụng 100,8m² tại thửa số 644B1, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên anh Lương Quang K và chị Phùng Thị H có tổng trị giá là 1.408.800.000đ. Về công nợ đã được anh K, chị H xác nhận nợ Ngân hàng cả gốc và lãi là 336.279.452đ (chị H đã trả cho Ngân hàng). Ly

hôn hai bên thống nhất mỗi người trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ là 168.139.726đ (làm tròn là 168.140.000đ), chị H đã trả toàn bộ khoản nợ trên nên anh K có nghĩa vụ phải thanh toán cho chị H $\frac{1}{2}$ khoản nợ là 168.140.000đ.

Căn cứ vào nguồn gốc hình thành tài sản chung, công sức đóng góp tạo lập, bảo quản, duy trì khối tài sản chung của vợ chồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho chị H quản lý, sử dụng toàn bộ các tài sản gồm: 01 nhà 03 tầng, 01 bộ bàn ghế sa lông + kệ để ti vi, quyền sử dụng 100,8m² đất tại địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có tổng trị giá là 1.408.800.000đ và chia cho chị H phần giá trị tài sản là 940.660.000đ, chia cho anh K giá trị tài sản là 468.140.000đ. Do anh K phải thanh toán trả cho chị H số tiền 168.140.000đ, đối trừ số tiền trên chị H phải thanh toán chênh lệch cho anh K là 300.000.000đ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chia cho chị H sử dụng tài sản bằng hiện vật chia khoản nghĩa vụ phải thanh toán mà chị H đã thanh toán cho ngân hàng là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị H và anh K thỏa thuận chia các tài sản và công nợ như bản án sơ thẩm đã tuyên và chị H thanh toán chênh lệch tài sản cho anh K là 568.140.000đ, đối trừ số tiền anh K phải thanh toán cho chị H nghĩa vụ trả nợ mà chị H đã trả là 168.140.000đ. Chị H có trách nhiệm thanh toán cho anh K là 400.000.000đ. Thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí các đương sự không thỏa thuận nên các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí phân chia tài sản có giá ngạch: Do tài sản các bên được chia có sự thay đổi so với cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho phù hợp. Các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên các đương sự phải chịu án phí phân chia tài sản có giá ngạch đối với phần tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

Án phí phúc thẩm: Anh K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 147; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, 38, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Sửa bản án sơ thẩm số 18/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Phùng Thị H và anh Lương Quang K: Chia cho chị Phùng Thị H sở hữu các tài sản gồm: 01 nhà 3 tầng, 01 bộ bàn ghế sa lông + kệ để ti

vi (gỗ) và quyền sử dụng 100,8m² đất thửa số 644B1, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BC 711888, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CN 01444-TT613/TT-TNMT do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 07/7/2011 đứng tên chị Phùng Thị H và anh Lương Quang K có tổng trị giá là 1.408.800.000đ (Một tỷ bốn trăm linh tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Chị Phùng Thị H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Lương Quang K 568.140.000đ (năm trăm sáu mươi tám triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng). Anh K có nghĩa vụ thanh toán cho chị H số tiền 168.140.000đ, đối trừ khoản tiền trên, chị H có trách nhiệm thanh toán cho anh K số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán khoản tiền nêu trên thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1.Án phí sơ thẩm: Anh Lương Quang K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 26.725.600đ (làm tròn 26.725.000đ) án phí phân chia tài sản. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên là 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm và 36.000.000đ tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản theo phiếu thu số 0007382 ngày 16/3/2021 và phiếu thu số 0000922 ngày 12/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trả lại anh Lương Quang K 9.275.000đ (Chín triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Chị Phùng Thị H phải chịu án phí có giá ngạch về việc phân chia tài sản là 37.219.800đ, (làm tròn 37.219.000đ) (Ba mươi bảy triệu hai trăm mười chín nghìn đồng).

2.2.Án phí phúc thẩm: Anh Lương Quang K phải chịu 300.000đ được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004551 ngày 01/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố Vĩnh Yên;
- CC THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Ngọc